TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **227**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/6/2026
V/v "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đông.

Bà Triệu Ngọc Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Khánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 458/2026/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2026, về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 313/2026/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Trần Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 2, tổ A, khu phố H, phường L, tỉnh (nay thành phố) Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Văn N- Công ty L- Đoàn Luật sư thành phố Đ.

- Bị đơn: Ông Phạm Ba D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 5, khu phố B, phường L, tỉnh Đồng Nai (nay thành phố) Đồng Nai.

(Bà H, luật sư N có đơn xin vắng mặt, có nộp luận cứ; ông D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Từ năm 2015, bà H và ông Phạm Ba D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu chung sống, bà H và ông Phạm Ba D cũng yêu thương, quan tâm, lo lắng cho

nhau. Tuy nhiên, thời gian sau phát sinh nhiều bất đồng trong quan điểm sống, thường hay cãi vã, xung đột với nhau. Sau khi ông D chấp hành án phạt tù trở về, tình trạng hôn nhân không hạnh phúc. Vì con cái, bà H đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng không có kết quả. Tháng 11 vừa qua, ông D đã đánh và đuổi bà H ra khỏi nhà. Hiện tại, bà H với ông D không còn chung sống với nhau. Bà H yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà H và ông Phạm Ba D.

Về con chung: Bà H và ông Phạm Ba D có 01 con chung là cháu Phạm Trần Khánh N1 sinh ngày 24/01/2017. Bà Trần Thị H yêu cầu giao con chung là cháu Phạm Trần Khánh N1 cho mẹ là bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, tạm thời không yêu cầu ông Phạm Ba D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Bị đơn ông Phạm Ba D:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Phạm Ba D đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Trần Thị H. Về con chung: giao cháu Phạm Trần Khánh N1 cho bà Trần Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về cấp dưỡng: Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không giải quyết trong vụ án này.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Trần Thị H. Về con chung: giao cháu Phạm Trần Khánh N1 cho bà Trần Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về cấp dưỡng: Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà Trần Thị H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Phạm Ba D, có địa chỉ tại 50/5, khu phố B, phường L, tỉnh (nay thành phố) Đồng Nai. Căn cứ tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Không công nhận quan hệ vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị H, Luật sư có đơn xin vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho ông Phạm Ba D, nhưng ông D vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, Luật sư, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2015 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do bất đồng quan điểm sống đến tháng 11/2025 thì bà H và ông D ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông D. Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế từ tháng 11/2025 đến nay bà H và ông D đã không còn chung sống với nhau, tình cảm giữa hai bên không còn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLTTANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông D có 01 con chung là cháu Phạm Trần Khánh N1, sinh ngày 24/01/2017. Xét thấy cháu N1 đang sống cùng bà H và bản thân của cháu cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu N1 cho bà Trần Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng bà Trần Thị H không yêu cầu ông Phạm Ba D cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Theo quy định pháp luật ông Phạm Ba D

được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết bà H, ông D được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét giải quyết, nợ chung không có. Do không có lời khai của ông D. Hội đồng xét xử tách riêng trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm bảo vệ của Luật sư phù hợp nhận định nên ghi nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 171, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015, sửa đổi bổ sung 2025;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị H với ông Phạm Ba D.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Trần Khánh N1, sinh ngày 24/01/2017 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N1 đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Phạm Ba D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét giải quyết, nợ chung không có. Do không có lời khai của ông D. Tách riêng trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002474 ngày 27/01/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án Dân sự Thành phố Đ THADS khu vực 1-Đồng Nai). Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị H, ông Phạm Ba D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1-Đồng Nai;
- THA dân sự TP.Đồng Nai/
Phòng THADS khu vực 1-Đồng Nai ;
- Đương sự; Luật sư.
- Lưu.

Hoàng Thị Thu Minh

SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**